

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Số công văn: 1901/2021/CV

V/v báo cáo hoạt động năm 2020

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

(Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Nội Dung	Tên sheet
1	Tình hình nhân sự quản lý	THnhansuquanly_06519
2	Tổ chức công ty	tochuccongy_06518
3	Người làm việc trong công ty	NLVTcongy_06520
4	Tỷ lệ sở hữu của cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán	TLSHCDThanhvien_06521
5	Số lượng tài khoản	SLtaikhoan_06522
6	Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng	SDTienguiGDCK_06523
7	Ủy thác giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân	UTGDCKNDTcanhan_06524
8	Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết	GDCKniemyet_06525
9	Môi giới chứng khoán chưa niêm yết	MGCKniemyet_06526
10	Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động	TongphiMGTD_06527
11	Tình hình giao dịch chứng khoán	THGDCK_06528
12	Tình hình đầu tư ra nước ngoài, góp vốn vào công ty TNHH, dự án kinh doanh (đối với các khoản đầu tư không hình thành chứng khoán)	TinhhinhtNDT_06529
13	Tình hình đầu tư, góp vốn mua bất động sản	THDTGopVon_06530
14	Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	HDBLphathanhCK_06531
15	Các hoạt động tư vấn và các hoạt động khác	CachDTuVan_06532
16	Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ	BCHDGSTT_06534
17	Chỉ tiêu an toàn tài chính	CTATTC_06535
18	Các thay đổi về tổ chức liên quan trong năm	I.1.b TDTC_06536!A1
19	Cơ sở vật chất trong năm báo cáo	IV.CSVC_06537!A1
20	Tình hình sửa lỗi giao dịch môi giới	V.1.5 THSL_06538!A1
21	Kiến nghị với các cơ quan quản lý	VIII.KNCQQL_06539!A1

Người lập

Lưu Bích Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SMARTINVEST



NGƯỜI TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trường Sơn

Tổ chức công ty				
Ghi chú: thông tin của bảng trên là thông tin tại thời điểm báo cáo				
TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa chỉ	
1	Trụ sở chính	Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest	Tầng 3, số 2a Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	
2	Chi nhánh			
	- Chi nhánh 1:			
	- Chi nhánh 2:			
	-			
3	Phòng giao dịch:			
	- Phòng giao dịch 1			
	- Phòng giao dịch 2			
	- Phòng giao dịch ...			
4	Văn phòng đại diện			
	- Văn phòng đại diện 1			
	- Văn Phòng đại diện ...			
5	Chi nhánh tại nước ngoài			
	- Chi nhánh 1:			
	- Chi nhánh 2:			
6	Văn phòng đại diện tại nước ngoài			
	Văn phòng đại diện 1			
	Văn phòng đại diện 2			

Tình hình nhân sự quản lý

Đối tượng	Họ và tên / Chức danh đầu kỳ	Họ và tên / Chức danh cuối kỳ	Ngày thay đổi	Lý do thay đổi
Chủ tịch Hội đồng quản trị	Nguyễn Đức Hiếu	Nguyễn Đức Hiếu		
Thành viên Hội đồng quản trị	Bùi Bảo Toàn	Bùi Bảo Toàn		
	Nguyễn Minh Dũng	Nguyễn Minh Dũng		
Thành viên Ban giám đốc				
- Tổng Giám đốc	Ngô Thị Thùy Linh	Ngô Thị Thùy Linh		
- Phó Tổng giám đốc	Bùi Bảo Toàn	Bùi Bảo Toàn		
		Nguyễn Trường Sơn	15/10/2020	Bổ sung nhân sự
Thành viên Ban kiểm soát				
- Trưởng ban kiểm soát	Đào Thanh Huyền	Đào Thanh Huyền		
- Thành viên ban kiểm soát	Lê Đức Hoàng	Lê Đức Hoàng		
- Thành viên ban kiểm soát	Bùi Thị Quỳnh Anh	Bùi Thị Quỳnh Anh		

Người làm việc trong công ty

* Ghi chú : Số liệu của bảng này là số liệu của toàn công ty (bao gồm tất cả các địa điểm kinh doanh của công ty)

Đối tượng (Liệt kê đầy đủ họ tên đối với người có CCHN tại thời điểm cuối kỳ)	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm	Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho công ty trong năm	Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm	Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm	Số CCHN của người có CCHN cuối năm
- Ban Giám đốc	1/1	1		2/2	
Ngô Thị Thùy Linh					002213/PTTC
Nguyễn Trường Sơn					000550/QLQ
- Bộ phận môi giới	3/3			3/3	
Bùi Bảo Toàn					004175/MGCK
Trần Mạnh Hải					004726/MGCK
Nguyễn Thành Đạt					004185/MGCK
- Bộ phận tư doanh	3/3			2/2	
Vũ Duy Khánh					001710/QLQ
Đoàn Trí Nghĩa					00331/QLQ
- Bộ phận bảo lãnh phát hành	3/3	1	0	2/2	
Nguyễn Anh Tuấn					00096/PTTC
Bùi Thị Quỳnh Anh					002463/PTTC
- Bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán	3/3	1	0	2/2	
Lê Trường Giang					004461/MGCK
Đặng Thị Chanh					005281/MGCK
- Bộ phận khác	0/0	0	3	3/3	
Trần Minh Hoàng					002420/PTTC
Đỗ Thị Sâm					001487/QLQ
Nghiêm Văn Anh					002419/PTTC
Tổng số	13/13	6	6	14/14	

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông/thành viên góp vốn năm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán

* Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này.

TT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNDKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần/phần vốn góp	Tỷ lệ năm giữ so với vốn điều lệ	Tăng/ giảm
1	Nguyễn Đức Hiếu	012214633	17-06-2005	1,639,265	5,288%	0%
2	Ngô Thị Thủy Linh	012064601	15-01-2014	1,660,798	5,357%	0%

Số lượng tài khoản

Loại khách hàng	Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Số lượng tài khoản có giao dịch trong năm
		Tăng	Giảm		
Cá nhân Trong nước	529	344	46	827	377
Tổ chức Trong nước	12	5	1	16	5
Cá nhân Nước ngoài	1	0	0	1	0
Tổ chức Nước ngoài	0	0	0	0	0
Tổng	542	349	47	844	382

Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng				
Đơn vị: Triệu đồng				
Loại khách hàng	Dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Dư cuối năm
Cá nhân Trong nước	33,636,828,340	5,695,487,241,929	5,692,409,630,400	36,714,439,869
Tổ chức Trong nước	4,128,486	69,850,698,163	69,854,356,856	469,793
Cá nhân Nước ngoài	25,601,441	25,986	132,000	25,495,427
Tổ chức Nước ngoài				
Tổng	33,666,558,267	5,765,337,966,078	5,762,264,119,256	36,740,405,089

Ủy thác giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Đơn vị: Triệu đồng

Loại khách hàng	Đầu năm	Phát sinh trong năm		Cuối năm	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong năm (đồng)
		Tăng	Giảm			
Trong nước						
Nước ngoài						
Tổng						

Tình hình giao dịch chứng khoán niêm yết

Đơn vị: Triệu đồng

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm	Tổng giá trị bán trong năm
1. Cổ phiếu	367,333,905	440,163,279	2,182,355.22225	2,642,962.55935
Trong nước	367,333,905	440,163,279	2,182,355.22225	2,642,962.55935
Nước ngoài	-	-	-	-
2. Trái phiếu	-	-	-	-
Trong nước	-	-	-	-
Nước ngoài	-	-	-	-
3. Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
Trong nước	-	-	-	-
Nước ngoài	-	-	-	-
4. Chứng khoán khác	-	-	-	-
Trong nước	-	-	-	-
Nước ngoài	-	-	-	-
Tổng:	367,333,905	440,163,279	2,182,355.22225	2,642,962.55935

Môi giới chứng khoán chưa niêm yết

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chứng khoán	Tổng khối lượng chứng khoán mua trong năm	Tổng khối lượng chứng khoán bán trong năm	Tổng giá trị mua trong năm	Tổng giá trị bán trong năm
1. Cổ phiếu				
2. Trái phiếu				
3. Chứng chỉ quỹ				
4. Chứng khoán khác				
Tổng:				

Tổng phí môi giới thu được trong năm hoạt động		
TT	Phí môi giới	Giá trị (đồng)
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp.HCM	3,172,092,078
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Tp.Hà Nội	6,446,790,120
3	Từ giao dịch chứng khoán khác	-
	Cộng	9,618,882,198

Tình hình giao dịch chứng khoán

Đơn vị: Triệu đồng
* Giá trị tính theo giá giao dịch.

Loại CK	Số dư đầu năm		Tổng mua trong năm		Tổng bán trong năm		Dư cuối năm	
	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
CK niêm yết	91,016,332	606,164,933	367,333,905	2,182,355,22225	440,163,279	2,642,962,55935	18,186,958	605,704,326
1. Cổ phiếu	91,016,332	606,164,933	367,333,905	2,182,355,22225	440,163,279	2,642,962,55935	18,186,958	605,704,326
2. Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
3. CCQ	-	-	-	-	-	-	-	-
4. CK phái sinh	-	-	-	-	-	-	-	-
5. CK khác	-	-	-	-	-	-	-	-
CK chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
3. CCQ	-	-	-	-	-	-	-	-
4. CK phái sinh	-	-	-	-	-	-	-	-
5. CK khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng	91,016,332	606,164,933	367,333,905	2,182,355,22225	440,163,279	2,642,962,55935	18,186,958	605,704,326

Tình hình đầu tư ra nước ngoài, góp vốn vào công ty TNHH, dự án kinh doanh (đối với các khoản đầu tư không hình thành chứng khoán)					
		Đơn vị: Triệu đồng			
		Lưu ý: giá trị đầu tư ghi nhận theo giá hạch toán mà công ty chứng khoán lựa chọn			
TT	Tên tổ chức nhận đầu tư	Giá trị đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị cuối kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Trong nước				
1	Công ty...				
2	...				
II	Ngoài nước				
1	Công ty...(ghi rõ quốc tịch)				
2	...				

Tình hình đầu tư, góp vốn mua bất động sản					
Đơn vị: Triệu đồng					
TT	Địa chỉ bất động sản đầu tư/ tên tổ chức góp vốn (Liệt kê chi tiết..)	Hình thức đầu tư, góp vốn	Giá trị đầu tư đầu kỳ*	Giá trị tăng trong năm	Giá trị giảm trong năm
					Giá trị cuối kỳ

Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán								
TT	Tên tổ chức phát hành	Loại chứng khoán bảo lãnh	Hình thức bảo lãnh	Khối lượng bảo lãnh	Giá bảo lãnh	Tổng giá trị bảo lãnh	Thời gian bảo lãnh (từ...đến...)	Phí bảo lãnh

Các hoạt động tư vấn và các hoạt động khác

Loại hoạt động	Số hợp đồng đã ký đầu năm	Số hợp đồng đã thanh lý trong năm	Số hợp đồng ký mới trong năm	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối năm	Phí thu được trong năm (đồng)
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán					
II. Tư vấn tài chính					
1. Tư vấn niêm yết	1	0	0	1	-
2. Tư vấn phát hành trái phiếu	0	2	3	1	500,000,000
3. Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông	0	2	2	0	60,000,000
4. Tư vấn lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	1	1	0	0	12,000,000
5. Tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức	1	2	1	0	100,000,000
6. Đại lý phát hành trái phiếu	1	6	5	0	9,131,407,200
7. Tư vấn phát hành riêng lẻ	0	1	1	0	75,000,000
8. Tư vấn mua lại cổ phiếu quỹ	0	1	1	0	20,000,000
III. Dịch vụ khác					
1.					
2.					

Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ				
TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
I	Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề chứng khoán			
II	Về tài chính			
1	Không tuân thủ hạn mức vay			
2	Không tuân thủ hạn chế đầu tư			
III	Vi phạm chế độ công bố thông tin			
1	Chậm công bố thông tin	1	Nhắc nhở	
2	Không công bố thông tin			
IV	Vi phạm chế độ báo cáo			
1	Nộp chậm báo cáo			
2	Không nộp báo cáo			
V	Về hoạt động giám sát tuân thủ			
1	Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật			
2	Thực hiện các văn bản của UBCKNN			
3	Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên, Chủ sở hữu			
4	Thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty			
5	Thực hiện các Quyết định của Giám đốc/Tổng Giám đốc			
6	Thực hiện Hợp đồng ký kết với các đối tác			

Chỉ tiêu an toàn tài chính			
TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ (đồng)	310,000,000,000	
2	Lãi (Lỗ) lũy kế (đồng)	31,945,021,492	
3	Tài sản cố định (đồng)	25,505,133,831	
4	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		
5	Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	31,000,000	
6	Tổng nợ (đồng)	304,831,747,634	
7	Vốn chủ sở hữu (đồng)	346,537,705,538	
8	Nợ ngắn hạn (đồng)	294,831,747,634	
9	Tài sản ngắn hạn (đồng)	622,719,708,558	
10	Tỷ lệ vốn khả dụng (%)		181.30%
11	Tổng tài sản	651,369,453,172	

Các thay đổi về tổ chức liên quan trong năm	
Nội dung	Liệt kê chi tiết
Triển khai mở hoặc đóng các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong và ngoài nước	
Thay đổi địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện	
Thay đổi tên gọi, nghiệp vụ Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch	
Thực hiện chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi công ty.	

Cơ sở vật chất trong năm báo cáo	
Nội dung	Chi tiết
Mở rộng diện tích trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch	
Đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng	
Đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống	
Đầu tư kho kết cho lưu trữ hồ sơ, chứng từ	
Các đầu tư cơ sở vật chất khác.	

Tình hình sửa lỗi giao dịch môi giới	
Nội dung	Chi tiết
Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và tình hình khắc phục lỗi	
Tổng số lỗi giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tình hình khắc phục lỗi	Sửa lỗi sau giao dịch ngày 05/03/2020

